

Bản án: 11/2020/HNGĐ - ST

Ngày 20 - 5 - 2020

*“Tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2- Ông Bùi Huy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:128/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 04 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Ông Chu Văn M, sinh năm 1983; Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1983; Có mặt
Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Chu Văn M trình bày:

Ông kết hôn cùng bà Hoàng Thị B vào tháng 11 năm 2003, quá trình chung sống có sinh được 02 con là Chu Hoàng G, sinh ngày 30/7/2005 và cháu Chu Thị Ánh T, sinh ngày 08/02/2015. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 12 tháng 9 năm 2018 ông và bà B đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết cho thuận tình ly hôn, về con chung giao cho bà B nuôi dưỡng 02 con là Chu Hoàng G và

cháu Chu Thị Ánh T, ông phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu với số tiền là 3.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bà B nuôi 2 con tại thôn V, xã A, ông có đến thăm con nhiều lần nhưng bà B và gia đình bà B ngăn cản không cho ông được thăm con, thậm chí ông mua gì cho các con bà B cũng không cho con nhận mà còn vứt bỏ đi và chửi đũa ông. Theo ông thì hiện bà B nuôi cả 02 con là vất vả do thu nhập thấp, bà B hay đi trường, đi chơi nên thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con không được đảm bảo và chưa có nhà đất để ở.

Từ nguyên nhân trên và do cách ứng xử của bà B nên ông đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi việc nuôi con, ông có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con là Chu Thị Ánh T và Chu Hoàng G; về cấp dưỡng nuôi con ông không có yêu cầu.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị B trình bày:

Bà kết hôn cùng ông Chu Văn M vào tháng 11 năm 2003, quá trình chung sống bà và ông M có sinh được 02 người con là cháu Chu Hoàng G, sinh ngày 30/7/2005 và Chu Thị Ánh T, sinh ngày 08/02/2015. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 12 tháng 9 năm 2018 đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết cho bà và ông M được thuận tình ly hôn; về con chung giao cho bà nuôi dưỡng 02 cháu là Chu Hoàng G và Chu Thị Ánh T.

Từ khi ly hôn đến nay bà vẫn nuôi 2 con chung tại thôn V, xã A được đảm bảo, vì bà làm giáo viên nên có điều kiện và thời gian để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ăn học cho các con được đầy đủ, các con đều khỏe mạnh, phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Bà hiện nay chưa có nhà đất để ở, mẹ con bà đang ở chung cùng bố mẹ bà, nhưng sau khi ly hôn bà đã được chia một phần nhà đất tại xã Biền Động, huyện Lục Ngạn bà chưa xuống ở.

Ông M cho rằng khi ông M đến thăm con nhiều lần nhưng bà và gia đình bà ngăn cản không cho ông M được thăm con và chửi đũa ông M là không đúng, bà vẫn cho ông M đến thăm con và đón con về chơi bình thường; ngoài ra sau khi giải quyết ly hôn xong thì ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu là 3.000.000đ/tháng/2 cháu nhưng từ tháng 9/2018 cho đến nay ông M mới cấp dưỡng được 02 tháng, cho dù bà đã có đơn yêu cầu thi hành án.

Nay ông M đề nghị thay đổi nuôi con bà không nhất trí, bà vẫn xin nuôi cả 02 con; vì bà thấy ông M hay đi chơi, mẹ đã già nên không có điều kiện và thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu khi được giao.

3. Tại biên bản ghi lời khai cháu Chu Hoàng G là con ông M, bà B trình bày: Hiện nay cháu đang học lớp 9 trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện S; từ khi bố mẹ ly hôn cháu và em ở với mẹ, mẹ vẫn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ăn học cho hai anh em cháu được đầy đủ, nếu bố cháu đề nghị thay đổi nuôi con thì cháu đồng ý ở với bố. Quá trình cháu ở với mẹ thì bố cháu vẫn

thường xuyên đến thăm và mua quà cho anh em cháu, bố có lần đến thăm chúng cháu nhưng mẹ cháu và gia đình không đồng ý, lý do thì cháu không rõ.

* Tại phiên toà ông Chu Văn M và bà Hoàng Thị B vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

* Phần tranh luận:

Ý kiến ông M: Cháu Chu Hoàng G có ý kiến ở với ông không phải do cháu tự nguyện mà là do bà B tác động.

Ý kiến bà B đối đáp: Ông M đưa ra ý kiến tranh luận bà thấy không đúng, cháu G trình bày là hoàn toàn tự nguyện, bà không chấp nhận ý kiến ông M.

Sau khi bà B đối đáp ông M không có ý kiến gì thêm.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn M

2. Buộc bà Hoàng Thị B giao cháu Chu Hoàng G, sinh ngày 30/7/2005 cho ông M được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Hoàng Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chị Thị Ánh T, sinh ngày 08/02/2015.

Ông M, bà B có quyền thăm con, không ai được cản trở quyền này của ông M, bà B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về án phí: Ông Chu Văn M, bà Hoàng Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Chu Văn M khởi kiện yêu cầu giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với bà Hoàng Thị B, hiện ông M và bà B

đều đang cư trú tại huyện S. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông Chu Văn M cung cấp, lời khai bà Hoàng Thị B và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

a) Ông Chu Văn M kết hôn với bà Hoàng Thị B vào tháng 11 năm 2003, quá trình chung sống sinh được 02 người con là Chu Hoàng G, sinh ngày 30/7/2005 và cháu Chu Thị Ánh T, sinh ngày 08/02/2015; do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 12 tháng 9 năm 2018 ông Chu Văn M và bà Hoàng Thị B đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết thuận tình ly hôn. Về con chung, giao cho bà B nuôi dưỡng 02 con là cháu Chu Hoàng G và cháu Chu Thị Ánh T, ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu với số tiền là 3.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

b) Nguyên đơn, bị đơn trình bày và đưa ra quan điểm:

Nguyên đơn ông Chu Văn M: Trong quá trình bà B nuôi con chung, ông đến thăm nom thì gia đình bà B gây khó khăn, ngăn cản nên đã xảy ra cãi nhau. Gia đình bà B có hành động chửi, đuổi khi ông đến thăm con. Từ nguyên nhân trên nên ông đề nghị thay đổi người nuôi con chung từ bà B sang cho ông, ông xin nuôi dưỡng cả 02 cháu, về cấp dưỡng nuôi con ông không có yêu cầu.

Bị đơn bà Hoàng Thị B: Sau khi ly hôn, bà mang hai con về nhà đẻ tại thôn V, xã A, huyện S sinh sống và ở chung cùng bố mẹ đẻ bà. Các con bà chăm sóc, nuôi dưỡng được đảm bảo phát triển về mọi mặt. Ông M khi đến thăm con không báo trước và toàn có ý gây sự, bà và gia đình bà không ngăn cản việc ông M đến thăm và đón con về chơi; ông M đề nghị thay đổi nuôi con chung và yêu cầu được nuôi dưỡng hai con bà không đồng ý, bà muốn nuôi cả hai con, nếu thay đổi việc nuôi con về cấp dưỡng bà không có yêu cầu.

c) Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết quả xác minh thì có căn cứ lời trình bày của ông Chu Văn M về việc ông đến gia đình bà B thăm con thì gia đình và bà B có gây khó dễ nên xảy ra việc cãi nhau là có thật.

Xuất phát từ việc thăm gặp con và đón con về chơi của ông M không diễn ra như đúng nội dung hai bên thỏa thuận khi ly hôn, đã làm tâm lý ông M căng thẳng, bức xúc... thậm chí hai bên xảy ra cãi nhau. Ông M, bà B có 02 con chung, các cháu đang ở độ tuổi phát triển và hoàn thiện nhân cách về tương lai lâu dài, nếu tiếp tục để bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con vẫn đảm bảo. Nhưng xét về trách nhiệm của người bố, người mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm chung và để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm của cha mẹ với các con nên việc ông M đề nghị thay đổi việc nuôi con là

có cơ sở. Ông M và bà B hiện nay đang là cán bộ, công chức nhà nước có mức thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng, ông M đã có nhà đất để ở, bà B đang ở chung nhà với gia đình. Như vậy điều kiện nuôi con của ông M, bà B là tương đương nhau nên nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên trong vụ án này cũng cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và ý kiến của cháu Chu Hoàng G để giao con cho mỗi người nuôi cho phù hợp. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, mặt khác cũng cần tạo điều kiện để ông M cân bằng tâm lý sau khi vợ chồng ly hôn; giao cho ông M, bà B mỗi người nuôi một con chung là phù hợp theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Chu Hoàng G đã lớn có nguyện vọng được ở với bố nên cần thay đổi từ bà B sang cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng, do cháu Chu Thị Ánh T còn nhỏ nên cần tiếp tục giao cho bà Hoàng Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 85/2018/QĐ-HNGĐ ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, con chung giao cho bà B nuôi dưỡng cả 02 con, ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Nhưng do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận một phần và giao cho ông M, bà B mỗi người nuôi 01 con chung, ngoài ra còn xét về điều kiện hoàn cảnh mỗi bên và ý kiến của ông M, bà B thì không cần bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp. Ông M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo Quyết định thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 85/2018/QĐ-HNGĐ ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động nữa, thời điểm chấm dứt cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020.

[3] Về án phí: Ông Chu Văn M, bà Hoàng Thị B là người dân tộc thiểu số (Ông M dân tộc Nùng, bà B dân tộc Tày) thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn M

[2] Buộc bà Hoàng Thị B giao cháu Chu Hoàng G, sinh ngày 30/7/2005 cho ông Chu Văn M được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Hoàng Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chị Thị Ánh T, sinh ngày 08/02/2015

Ông M, bà B có quyền thăm con, không ai được cản trở quyền này của ông M, bà B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về án phí: Ông Chu Văn M, bà Hoàng Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Chu Văn M số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí DSST, theo biên lai số AA/2010/007108 ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn